

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 2, năm 2022

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Thực hiện Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Thực hiện Công văn số 1273/UBND-KGVX ngày 02 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn năm 2022;

Tiếp theo Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 18/5/2022 thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1, năm 2022 (đối với nhóm nhu cầu được hỗ trợ 100% kinh phí),

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1067/TTr-SLĐTBXH ngày 08/6/2022;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 2 - năm 2022. Các nội dung của Kế hoạch này xác định chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh tại Kế hoạch số 337/KH-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2022, cụ thể như sau:

I. Các chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ sửa nhà

- Không vượt quá 30 triệu đồng/hộ; số hộ được hỗ trợ: 184 hộ, tổng kinh phí không quá 5.520 triệu.

- Nguồn kinh phí: Nguồn đầu tư công của tỉnh hỗ trợ 100%.

2. Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh

- Không vượt quá 15 triệu đồng/hộ; số hộ được hỗ trợ 256 hộ, tổng kinh phí không quá 3.840 triệu đồng.

- Nguồn hỗ trợ: Nguồn đầu tư công của tỉnh hỗ trợ 100%.

3. Hỗ trợ Tivi

- Không vượt quá 04 triệu đồng/hộ; số hộ được hỗ trợ 196 hộ, tổng kinh phí không quá 784 triệu.

- Nguồn kinh phí: các huyện, thị xã, thành phố bố trí.

4. Hỗ trợ tạo việc làm tăng thu nhập, tổng kinh phí 29.265 triệu đồng, cụ thể

4.1 Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ chăn nuôi:

- Hỗ trợ nuôi bò: không vượt quá 40 triệu/hộ; số hộ được hỗ trợ: 527 hộ.

- Hỗ trợ nuôi trâu: Không vượt quá 40 triệu/hộ; số hộ được hỗ trợ: 92 hộ.

- Hỗ trợ nuôi dê: Không vượt quá 40 triệu/hộ; số hộ được hỗ trợ: 13 hộ.

- Hỗ trợ nuôi gà vịt: Không quá 40 triệu/hộ; số hộ được hỗ trợ: 01 hộ.

- Hỗ trợ nuôi heo: Không quá 40 triệu/hộ; số hộ được hỗ trợ: 12 hộ.

b) Hỗ trợ trồng trọt (Hỗ trợ trồng điều, cà phê): không quá 20 triệu/hộ; số hộ được hỗ trợ: 01 hộ.

c) Hỗ trợ nông cụ:

- Hỗ trợ máy cắt cỏ (máy phát cỏ): không quá 05 triệu/hộ; số hộ được hỗ trợ: 360 hộ.

- Hỗ trợ máy cưa: không quá 05 triệu/hộ; số hộ được hỗ trợ: 67 hộ.

- Hỗ trợ bình xịt thuốc: không quá 05 triệu; số hộ được hỗ trợ: 134 hộ.

d) Hỗ trợ mua xe máy: không quá 20 triệu/hộ; số hộ được hỗ trợ: 40 hộ.

4.2 Nguồn kinh phí: Nguồn đầu tư công của tỉnh hỗ trợ 100%.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng dự toán nguồn kinh phí thực hiện chương trình giảm 1.000 hộ DTTS nghèo năm 2022 (đợt 2) 39.409 triệu đồng, trong đó:

1. Nguồn kinh phí: Nguồn đầu tư công của tỉnh là 37.895 triệu đồng (đã được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/12/2021).

2. Nguồn đối ứng từ các huyện, thị xã, thành phố: 1.514 triệu đồng. Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố cụ thể về nguồn vốn này, đảm bảo đúng quy định.

- Các huyện Bù Đăng, Bù Đốp, Hớn Quản, Phú Riềng, Lộc Ninh: 748 triệu đồng hỗ trợ Tivi.

- Các huyện Chơn Thành, Đồng Phú, thị xã Bình Long và thành phố Đồng Xoài: 766 triệu đồng hỗ trợ các nhu cầu sửa nhà, xây dựng nhà vệ sinh, tivi và tạo việc làm.

(Kèm theo Bảng tổng hợp nhu cầu và kinh phí).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo phân công tại Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh đợt 2 năm 2022, yêu cầu các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương lập Kế hoạch và chủ động thực hiện đạt kết quả cao./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT (Ch-KH27).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh